

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đồng Văn B; nơi ĐKKHKT: Số 1242 đường PVĐ, phường HN, quận DK, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 29 Cannon St W, Hamilton, ON L8R 2M1, Canada;

- *Bị đơn:* **Chị** Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Số 1242 đường PVĐ, phường HN, quận DK, thành phố Hải Phòng;

**Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn ly hôn của nguyên đơn anh Đồng Văn B (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) và đơn ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị T đều thống nhất trình bày:*

Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương từ ngày 10/10/1996 nhưng đến 02/10/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến

Thụy, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống. Dù có mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn cố gắng hòa hợp và đi đăng ký kết hôn để có sự ràng buộc với nhau, đồng thời tạo là điều kiện để cho cháu lớn có thể đi du học ở Canada. Tuy nhiên, đến năm 2019 thì anh B đi sang sinh sống tại Canada và xác định sinh sống định cư ở đó. Từ đó vợ chồng sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên đã hòa giải song không đạt kết quả. Nay anh B, chị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, anh chị không có nguyện vọng hàn gắn, chung sống cùng nhau nữa nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn càng sớm càng tốt để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đồng Khương D, sinh ngày 22/10/1997 và Đồng Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, sức khỏe bình thường và đang du học ở Canada. Các cháu tự lo được cuộc sống của bản thân nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh B và chị T xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn hôn, bản tự khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án về ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị T đang sinh sống tại Hải Phòng, nguyên đơn anh Đồng Văn B là người Việt Nam nhưng sinh sống tại nước ngoài (Canada), theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương từ ngày 10/10/1996, nhưng đến 02/10/2018 mới đăng ký kết hôn

tại UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, theo Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng được anh B và chị T xác nhận không còn tình cảm, vợ chồng không thể đoàn tụ nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh B và chị T là tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đồng Văn B.

[4] Về con chung: Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Đồng Khương D, sinh ngày 22/10/1997 và Đồng Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không cần phải nuôi dưỡng, anh B chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T xin tự với nhau, không đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Đồng Văn B được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đồng Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Đồng Khương D, sinh ngày 22/10/1997 và Đồng Thị Minh T, sinh ngày 13/9/2002. Các con chung đã trưởng thành, không cần phải nuôi dưỡng nên anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị T xin tự giải quyết với nhau và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đồng Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0019867 ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đồng Văn B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Đồng Văn B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Diệp**